

Mô hình giáo dục đại học trực tuyến tại Việt Nam: Trường hợp của Trường Đại học Mở Hà Nội

Đặng Hải Đăng

Trường Đại học Mở Hà Nội
101 Nguyễn Hiền, Bách Khoa, Hai Bà Trưng,
Hà Nội, Việt Nam
Email: dangdh@hou.edu.vn

TÓM TẮT: Mặc dù phát triển gần như cùng một lúc với Internet nhưng mãi tới gần đây vai trò của giáo dục trực tuyến mới được quan tâm và thừa nhận một cách rộng rãi. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại có đến hàng tỉ cá nhân tham gia học tập trực tuyến ở tất cả các cấp học và loại hình đào tạo. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến một cách phức tạp dẫn đến giãn cách xã hội, giáo dục trực tuyến đã thay thế giáo dục truyền thống, giúp cho đại bộ phận học sinh, sinh viên không cần phải đến trường vẫn có thể theo học, tiếp thu được kiến thức thông qua mạng Internet. Tất nhiên, giáo dục trực tuyến mới chỉ đang trong giai đoạn bắt đầu phát triển. Nó chỉ mang vai trò bổ trợ chứ không thể thay thế cho giáo dục truyền thống. Để có một cách nhìn toàn diện về vai trò của giáo dục đại học trực tuyến trong giai đoạn phát triển mới, bài báo đề cập đến tình hình phát triển giáo dục đại học trực tuyến trong thời gian gần đây, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19. Bên cạnh đó, cũng cần phải xác định lại mô hình giáo dục trực tuyến một cách phù hợp với điều kiện của các cơ sở giáo dục tại Việt Nam. Một mô hình về đào tạo trực tuyến của Trường Đại học Mở Hà Nội được đưa ra dưới dạng khung làm việc để các cơ sở giáo dục tham khảo. Cuối cùng, một số tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng dành cho giáo dục Đại học trực tuyến cũng được đề xuất căn cứ trên việc khảo sát mô hình của Trường Đại học Mở Hà Nội.

TỪ KHÓA: Giáo dục trực tuyến; ứng dụng công nghệ ICT trong dạy học; giáo dục người lớn; chuyển đổi số.

→ Nhận bài 13/11/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 19/11/2020 → Duyệt đăng 25/01/2021.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số là một trong những chủ trương lớn của Chính phủ trong giai đoạn vừa qua nhằm thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch hiệu quả, vừa tập trung phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Chuyển đổi số đóng vai trò quan trọng trong giáo dục (GD), đặc biệt là GD đại học (ĐH). Có thể nói, bên cạnh các phương thức đào tạo truyền thống, E-learning đưa đến một phương thức học tập mới, thuận tiện, hiệu quả và phù hợp với việc tự học. Áp dụng E-learning trong GD ĐH đóng một vai trò quan trọng trong xây dựng chương trình đào tạo lấy người học làm trung tâm. Tuy nhiên, hầu hết các cơ sở GD ĐH Việt Nam vẫn chưa sẵn sàng triển khai E-learning do điều kiện về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, hành lang pháp lí, hệ thống tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng và đặc biệt là mô hình triển khai E-learning. Bài báo tập trung phân tích thực trạng phát triển E-learning đối với GD ĐH trong giai đoạn gần đây. Qua nghiên cứu, khảo sát mô hình E-learning của Trường Đại học Mở Hà Nội, tác giả đề xuất một số tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng và lộ trình cần thiết để các cơ sở GD ĐH triển khai E-learning.

2. Nội dung nghiên cứu

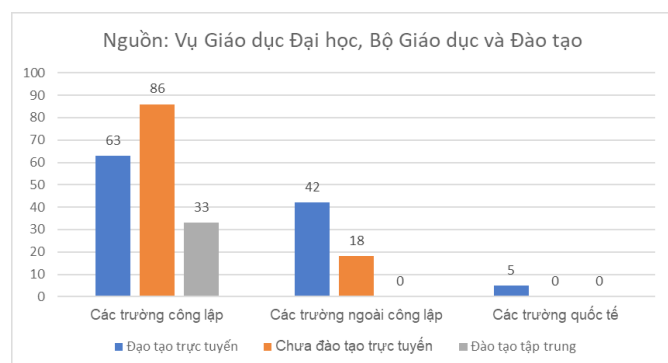
2.1. Thực trạng đào tạo đại học trực tuyến tại Việt Nam giai đoạn vừa qua

Trong khoảng nửa năm trở lại đây, trước tình hình dịch bệnh Covid-19, GD trực tuyến đã được triển khai rộng khắp trên thế giới và bao trùm tất cả các cấp các bậc học với số lượng học sinh, sinh viên tham gia đạt đến 1,6 tỉ người [1]. Việc triển khai sử dụng các công cụ hỗ trợ dạy - học/hội nghị/hội thảo trực tuyến được thực hiện một cách đại trà đã phần nào là cứu cánh cho các cơ sở GD trong giai đoạn trước mắt. Tuy nhiên, qua một thời gian, sự thiếu đồng bộ trong trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống, khả năng khó mở rộng, tính bảo mật kém của các công cụ như Zoom, Google Meet, WebEx... đã khiến cho các cơ sở GD phải cân nhắc lại việc sử dụng các công cụ nêu trên.

Tại thời điểm mới bắt đầu triển khai áp dụng rộng rãi, nhìn chung người dạy, người học đánh giá các công cụ có giao diện thuận tiện, truyền tải được âm thanh/hình ảnh với độ phân giải chấp nhận được. Tuy nhiên, qua một thời gian triển khai dạy - học trên các nền tảng này, các bất cập mới dần nảy sinh. Các hệ thống hỗ trợ dạy - học/hội nghị/hội thảo trực tuyến trong giai đoạn hiện nay mới chỉ lưu lại video về các buổi học một cách riêng rẽ.

Dữ liệu từ các hệ thống này không cung cấp tính năng kết nối, xuyên chuỗi giữa các bài giảng với nhau, không cung cấp các công cụ quản lý người học, đánh giá chất lượng bài giảng, đánh giá năng lực người học. Trên thực tế, để có thể quản lý toàn bộ được quá trình dạy - học trực tuyến, các cơ sở GD cần phải triển khai thêm hàng loạt các phần mềm riêng rẽ phục vụ các mục đích quản lý người dạy/người học/bài giảng/kiểm tra đánh giá. Do vậy, việc xã hội và các cơ sở GD nhận thức về GD trực tuyến chẳng qua chỉ là việc triển khai giảng dạy trên các nền tảng dạy - học/hội nghị/hội thảo trực tuyến như hiện nay mới chỉ thể hiện được “phần nổi của tảng băng chìm”.

Trong giai đoạn dịch bệnh vừa qua, các trường ĐH được phép tổ chức đào tạo trực tuyến và công nhận kết học tập trực tuyến. Theo số liệu công bố tháng 4 năm 2020 của Vụ GD ĐH, Bộ GD và Đào tạo (GD&ĐT), có tổng số 110/247 trường ĐH tại Việt Nam đã triển khai đào tạo trực tuyến, trong đó có 63 trường công lập, 42 trường ngoài công lập và 5 trường quốc tế. Xét theo tỉ lệ của từng khối thì khối trường công lập triển khai đào tạo trực tuyến là thấp nhất với 47% (các trường an ninh - quốc phòng chỉ đào tạo tập trung), tiếp theo là các trường ngoài công lập là 70% và cao nhất là các trường quốc tế với tỉ lệ 100% (xem Hình 1).



Hình 1: Thực trạng đào tạo trực tuyến tại các cơ sở GD ĐH (Tính đến tháng 04 năm 2020)

Đào tạo ĐH trực tuyến tại Việt Nam không phải là mới. Từ những năm 2009, Topica UNI đã tuyển sinh được những khóa đào tạo cử nhân trực tuyến đầu tiên. Hơn một thập kỉ sau, mới chỉ có khoảng một nửa số lượng cơ sở GD ĐH tại Việt Nam có triển khai dạy học trực tuyến. Như vậy, có thể thấy, hầu hết các cơ sở GD ĐH, đặc biệt là các trường ĐH công lập tại Việt Nam vẫn chưa sẵn sàng với đào tạo trực tuyến.

2.2. Kinh nghiệm triển khai E-learning của Trường Đại học Mở Hà Nội

Về thực trạng đào tạo ĐH trực tuyến, bên cạnh một số trường ĐH có kinh nghiệm đào tạo trực tuyến như: Trường ĐH Mở Hà Nội, Trường ĐH Mở Thành phố Hồ

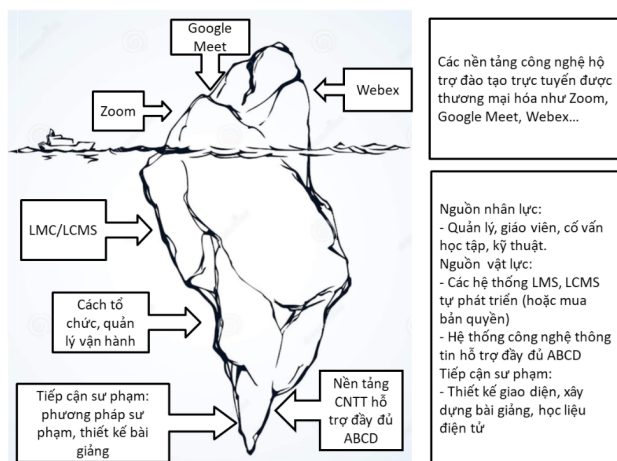
Chí Minh, Trường ĐH FPT..., còn rất nhiều các trường chưa triển khai được đào tạo trực tuyến. Trong giai đoạn dịch bệnh vừa qua, hầu hết các trường mới triển khai đào tạo trực tuyến trên các hệ thống phần mềm dạy - học/hội nghị/hội thảo trực tuyến như Zoom, Google Meet, WebEx... Các hệ thống này chỉ cho phép lưu trữ bài giảng video một cách rời rạc, không có các công cụ sắp xếp, tìm kiếm thuận tiện cũng như không có các công cụ kiểm tra đánh giá đi kèm, không quản lý được lịch sử học tập, không chiết xuất được dữ liệu sang các hệ thống khác. Trong khi đó, để một cơ sở triển khai đào tạo trực tuyến thành công cần phải có một hạ tầng cơ sở đào tạo trực tuyến mang tính chất tổng thể, cho phép lưu trữ lịch sử học tập của sinh viên, lịch sử giảng dạy của giảng viên, lịch sử quản lý lớp tín chỉ của cố vấn học tập, hệ thống bài giảng, kiểm tra đánh giá cũng như có các công cụ phân tích, tổng hợp, báo cáo các dữ liệu phục vụ công tác quản lý, đánh giá và đảm bảo chất lượng.

Một hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến tổng thể như trên còn được gọi là LMS/LCMS (Learning Management System/Learning Content Management System). Hiện nay, trên thế giới có nhiều giải pháp LMS/LCMS nhưng qua các khảo sát của các trường ĐH thuộc AAOU (Asia Association of Open University) thì hệ thống Moodle được sử dụng rất phổ biến. Tại Việt Nam, nhiều trường cũng sử dụng các phiên bản tùy biến của Moodle để triển khai E-learning do phần mềm có các ưu điểm có thể tóm tắt như sau [2], [3]:

- Phần mềm mã nguồn mở, không tốn phí bản quyền.
- Phần mềm được thiết kế thân thiện với người sử dụng, có khả năng tùy biến cao.
- Được nhiều trường ĐH, cao đẳng cơ sở GD trên thế giới sử dụng.
- Có khả năng tích hợp với nhiều hệ thống dạy - học/hội nghị/hội thảo trực tuyến khác nhau, hệ thống plug-in phong phú (các công cụ mở rộng để kết nối và làm việc với các nhà phát triển bên thứ ba).
- Đã có trên 20 năm phát triển, được cập nhật liên tục và có các phiên bản sử dụng ổn định và dễ dàng cài đặt, triển khai.

Trường ĐH Mở Hà Nội đã nghiên cứu, xây dựng và phát triển thành công hệ thống E-learning dựa trên nền tảng Moodle từ năm 2008. Hệ thống đã đưa vào sử dụng ổn định tại Trung tâm Đào tạo trực tuyến của Nhà trường từ năm 2009 và đã được đưa ra triển khai cho đào tạo chính quy trong giai đoạn dịch Covid-19 vừa qua. Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển cũng như tham gia tư vấn cho các cơ sở GD ĐH khác, Trường ĐH Mở Hà Nội đã đưa ra một mô hình phát triển hệ thống tổng thể với hệ thống LMS/LCMS làm nền tảng lõi dựa trên nền tảng Moodle, trên đó phát triển các nhánh cho phép nhúng các phân hệ con về dạy - học/hội nghị/hội thảo trực tuyến do các nhà cung cấp bên thứ ba phát triển.

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), E-learning đề cập đến việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để tăng cường và/hoặc hỗ trợ học tập trong GD ĐH [4]. Cách hiểu này có thể được áp dụng đối với GD nói chung, không riêng gì GD ĐH. Trường ĐH Mở Hà Nội đã mở rộng định nghĩa về E-learning một cách chi tiết và cụ thể hơn như sau: “E-learning nên được xem là một triết lý GD với cách tiếp cận tổng thể từ cách thức tổ chức các nguồn nhân lực và vật lực trong triển khai, vận hành, được áp dụng các phương pháp GD mới cũng như các tiến bộ khoa học kỹ thuật về trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, điện toán đám mây và dữ liệu lớn nhằm cá nhân hóa học tập ở mức độ cao nhất có thể”. Qua đó, Nhà trường đề xuất một mô hình Iceberg về E-learning có thể áp dụng như một khung làm việc tham chiếu, các cơ sở GD có thể dựa trên khung làm việc này để xây dựng hệ thống lõi E-learning bằng LMS/LCMS trước bằng Moodle hoặc các nền tảng khác, sau đó tích hợp thêm các hệ thống dạy - học/hội nghị/hội thảo trực tuyến (xem Hình 2).



Chú thích:
 LMS – Learning Management System (Hệ thống quản lý đào tạo)
 LCMS – Learning Content Management System (Hệ thống quản lý nội dung đào tạo)
 ABCD – Artificial Intelligent, Blockchain, Cloud, Data

Hình 2: Mô hình Iceberg về E-learning của Trường ĐH Mở Hà Nội

Vì mô hình đào tạo trực tuyến của Nhà trường đã được xây dựng sẵn sàng trước thời điểm dịch bệnh nên toàn bộ học viên hệ đào tạo E-learning học tập chủ yếu qua hệ thống E-learning của Nhà trường. Tùy theo yêu cầu của học viên, hầu hết các môn học đều có tối thiểu một buổi ôn tập, giải đáp thắc mắc của học viên được thực hiện theo hình thức mặt giáp mặt. Đến thời điểm dự thi, học viên tham gia thi theo hình thức trực tiếp theo kế hoạch đã công bố. Ngay khi tình hình dịch bệnh trở nên diễn biến phức tạp hơn, toàn bộ sinh viên hệ đào tạo chính quy và học viên cao học được chuyển trạng

thái sang học tập trực tuyến trên hệ thống E-learning của nhà trường. Đối với một số học phần có đủ điều kiện và phù hợp với tổ chức thi trực tuyến cũng được Nhà trường thí điểm cho tổ chức dưới hình thức thi vấn đáp trực tuyến. Sinh viên được dự thi tối đa 3 lần (nếu không đạt thì mới được dự thi lần thi kế tiếp). Mặc dù đây là lần đầu tiên triển khai nhưng hệ thống đã ghi nhận được một lượng lớn dữ liệu về hành vi người dùng và sẵn sàng để áp dụng trí tuệ nhân tạo nhằm phân tích để có những điều chỉnh thích hợp tới hệ thống, giúp cho quá trình học và tự học của sinh viên, học viên trở nên hiệu quả hơn. Bảng 1 cho thấy hệ thống đáp ứng tốt với số lượt sinh viên tham gia vào các lớp học tín đạt đến hàng triệu lượt và với thời gian duy trì học tập trực tuyến đạt bình quân gần 3 tiếng/sinh viên/lớp tín chỉ (tỉ lệ chưa cao do có một số học phần như thực tập tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp/đồ án môn học sinh viên chỉ lên download tài liệu) (xem Bảng 1).

Bảng 1: Một số dữ liệu thống kê tình hình học tập trực tuyến của sinh viên hệ đào tạo chính quy Trường ĐH Mở Hà Nội trong hai tháng 3, 4 năm 2020

| Thống kê hoạt động LMS.CQ (tháng 3,4) | Số lượng | Tỷ lệ TB |
|---|------------|--------------------------------|
| Số lớp tín chỉ được mở (courses) | 1.681 | |
| Số lượt SV đăng kí vào lớp (enrollments) | 85.706 | ~51 ^{SV} /lớp |
| Số lượt SV tham gia vào lớp học (logins) | 1.032.703 | ~12 ^{lượt} /SV/lớp |
| Số lượt thao tác/hoạt động học tập (activities) | 28.402.228 | ~331 ^{lượt} /SV/lớp |
| Thời gian duy trì học tập (minutes) | 14.095.414 | ~164,5 ^{phút} /SV/lớp |

2.3. Đề xuất một số tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng giáo dục đại học trực tuyến

Để sẵn sàng cho GD trực tuyến, các cơ sở GD cần phải quan tâm đến các tiêu chuẩn dành cho đội ngũ và hạ tầng kỹ thuật. Việc phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến cần phải được thực hiện theo lộ trình từ đơn giản đến trung bình rồi tiến tới phức tạp theo phân kì đầu tư. Một hệ thống E-learning được triển khai hoàn thiện như tại Trường ĐH Mở Hà Nội cần một khoảng thời gian không dưới 10 năm để thực hiện và theo các phân kì phát triển từ đơn giản đến trung bình và tới phức tạp (xem Bảng 2).

Để thực hiện được lộ trình phát triển E-learning theo từng giai đoạn phân kì một cách thành công, các cơ sở GD cũng nên bám sát một số tiêu chuẩn về mặt hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực đối với từng cấp độ triển khai E-learning như sau (xem Bảng 3):

Bảng 2: Các cấp độ triển khai E-learning

| Các cấp độ triển khai E-learning | Khả năng cung cấp | Công việc cần làm |
|----------------------------------|--|--|
| Đơn giản | <ul style="list-style-type: none"> Học liệu điện tử dưới dạng số hóa văn bản, bài thuyết trình, video minh họa. Sử dụng các học liệu điện tử này trong giảng dạy trên các công cụ học tập/hội nghị/hội thảo trực tuyến miễn phí hoặc có trả phí. | Xây dựng ngân hàng học liệu điện tử: Lưu trữ dưới dạng tệp doc, pdf, ppt, video và được tải lên trên trang web hoặc trên các công cụ học tập/hội nghị/hội thảo trực tuyến. |
| Trung bình | <ul style="list-style-type: none"> Các LMS/LCMS mã nguồn mở được tùy biến với sự hỗ trợ của các đối tác hoặc mua các sản phẩm có bản quyền. Cho phép dạy và học trực tuyến. | <ul style="list-style-type: none"> Tải lên ngân hàng học liệu điện tử, cho phép học viên ghi danh vào từng lớp. Tổ chức lớp học không đồng bộ/đồng bộ nhưng không có sự trao đổi dữ liệu qua lại giữa các LCMS/LMS với các hệ thống thông tin của cơ sở GD/bên thứ ba cung cấp. Ghi nhận, quản lý và báo cáo kết quả học tập được thực hiện thủ công. |
| Phức tạp | <ul style="list-style-type: none"> Các LMS/LCMS được nâng cấp, tích hợp kết nối đến các hệ thống thông tin khác trong cơ sở GD/các hệ thống thông tin do bên thứ ba cung cấp. Cho phép dạy và học, kiểm tra đánh giá trực tuyến. Phân tích được hành vi học tập để điều chỉnh các hoạt động giảng dạy, học tập mang tính cá nhân hóa. | <ul style="list-style-type: none"> Tải lên ngân hàng học liệu điện tử, cho phép học viên ghi danh vào từng lớp. Tổ chức lớp học không đồng bộ/đồng bộ nhưng có sự trao đổi dữ liệu qua lại giữa các LCMS/LMS với các hệ thống thông tin của cơ sở GD/bên thứ ba cung cấp. Tổ chức kiểm tra - đánh giá trực tuyến. Quản lý, ghi nhận và báo cáo kết quả học tập được tự động hóa. Thực hiện phân tích hành vi học tập dựa trên lịch sử người dùng. |

Bảng 3: Một số tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng E-learning đề xuất

| Tiêu chuẩn | Cấp độ đơn giản | Cấp độ trung bình | Cấp độ phức tạp |
|------------------------------------|---|--|--|
| Đối với hạ tầng kĩ thuật phần cứng | Hệ thống máy tính nội bộ, có kết nối Internet. | Server/Cloud Server có cấu hình đáp ứng tối thiểu yêu cầu hệ thống cần cài đặt. | Server/Cloud Server cấu hình phân tải/chịu lỗi/hỗ trợ stream video. |
| Đối với hạ tầng kĩ thuật phần mềm | Cài đặt các phần mềm học tập/hội nghị/hội thảo trực tuyến thông dụng như: Zoom, Google Meet, WebEx, các bộ công cụ văn phòng như Google Suite/Microsoft Office. | Cài đặt LMS/LCMS phiên bản mã nguồn mở/thương mại. | Cài đặt LMS/LCMS phiên bản nâng cấp cho phép sử dụng các API để truyền dữ liệu sang các hệ thống thông tin do cơ sở GD tự phát triển/bên thứ ba cung cấp. |
| Đối với người dạy | Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng Google Suite/Microsoft Office. Các phần mềm học tập/hội nghị/hội thảo trực tuyến. | Bên cạnh các kĩ năng như người dạy ở cấp độ đơn giản, người dạy ở cấp độ này được huấn luyện: <ul style="list-style-type: none"> Các kĩ năng tạo bài giảng, học liệu điện tử trên các nền tảng LMS/LCMS. Biết cách tạo, tổ chức lớp học, lớp thi, các hoạt động học tập trên nền tảng E-learning do cơ sở GD đầu tư. | Bên cạnh các kĩ năng như người dạy ở cấp độ trung bình, người dạy ở cấp độ này được huấn luyện và hỗ trợ: <ul style="list-style-type: none"> Thiết kế các bài giảng phù hợp với giao diện người - máy. Thiết kế bài giảng multimedia, hiệu ứng hình ảnh được các chuyên viên đồ họa thực hiện. |
| Đối với người học | Người sử dụng Internet thông thường. | Người sử dụng được đào tạo thêm kĩ năng sử dụng Internet nâng cao và khai thác sử dụng nền tảng E-learning do cơ sở GD cung cấp. | Người sử dụng được đào tạo thêm về kĩ năng sử dụng Internet nâng cao và khai thác sử dụng nền tảng E-learning do cơ sở GD cung cấp. |
| Đối với cán bộ kĩ thuật CNTT | Cán bộ kĩ thuật quản trị được mạng nội bộ có kết nối Internet. | Cán bộ kĩ thuật cấu hình, quản trị, khai thác và vận hành được hệ thống LMS/LCMS của cơ sở đào tạo. | Cán bộ kĩ thuật có thể phát triển mở rộng trên các module sẵn có, tích hợp được các hệ thống sẵn có, phát triển thêm các module mới tùy theo yêu cầu nghiệp vụ. |

3. Kết luận

Để xây dựng một nền GD mở, tiến tới xây dựng xã hội học tập theo đúng tinh thần Nghị quyết 29/NQ-TW thì các cơ sở GD bên cạnh nhiệm vụ đào tạo chính quy cũng cần phải triển khai thực hiện E-learning càng sớm

càng tốt. Hai trường ĐH Mở có thể đóng vai trò tư vấn và hỗ trợ kĩ thuật cho các cơ sở GD ĐH khác trong phát triển các hệ thống E-learning của riêng mình thông qua tham khảo mô hình Icerberg do Trường ĐH Mở Hà Nội đề xuất. Điều 38 Luật GD ĐH sửa đổi quy định các

loại hình đào tạo có giá trị như nhau được thông qua là một thuận lợi lớn tới sự phát triển của E-learning trong GD ĐH. Tuy nhiên, để đạt được điều đó thì các cơ sở GD ĐH cần phải có nhận thức đúng đắn về vai trò của E-learning, sẵn sàng phân bổ các nguồn lực về nhân sự, tài chính, hạ tầng công nghệ để đảm bảo xây dựng thành công E-learning. Phát triển E-learning song song với đào tạo chính quy giúp nâng cao uy tín học thuật, tăng sức cạnh tranh và năng lực tuyển sinh của các cơ sở GD.

Chính phủ, Bộ GD&ĐT cần sớm ban hành các hành lang pháp lý để phát triển E-learning, trong đó sớm xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, tiêu chí nhằm đánh giá hệ thống công nghệ, cách thức tổ chức quản lý người dạy, người học, khóa học, chương trình đào tạo, hình thức kiểm tra đánh giá đối với đào tạo trực tuyến để các cơ sở GD có cơ sở xây dựng và triển khai E-learning đúng quy định và đảm bảo chất lượng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Jarson Miks & John Mellwaine, (4/2020), *Keeping the world's children learning through COVID-19*, <http://www.unicef.org/coronavirus/keeping-worlds-children-learning-through-covid-19>, Truy cập ngày 14 tháng 9 năm 2020.
- [2] Danh sách các cơ sở giáo dục tại Việt Nam sử dụng Moodle, <https://moodle.org/mod/glossary/showentry.php?courseid=45&eid=7925&displayformat=dictionary> Truy cập ngày 15 tháng 9 năm 2020.
- [3] Hubrix Digital, *10 benefits of Moodle based Learning Management System (LMS)* <https://hurix.com/benefits-moodle-based-learning-management-system>, Truy cập ngày 16 tháng 9 năm 2020.
- [4] OECD Policy Brief, (12-2015), *E-learning in Tertiary Education*, <https://www.oecd.org/education/cei/35991871.pdf>, Tải về ngày 15 tháng 9 năm 2020.

A MODEL OF ONLINE HIGHER EDUCATION IN VIETNAM: THE CASE OF HANOI OPEN UNIVERSITY

Dang Hai Dang

Hanoi Open University
101 Nguyen Hien, Bach Khoa,
Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam
Email: dangdh@hou.edu.vn

ABSTRACT: *Although being developed at almost the same time with the Internet, it was not until recently that the role of online education was taken into account and widely recognized. Perhaps for the first time in human history, there have been billions of individuals engaged in online learning at all levels of education and training. Due to the social distancing restriction during the COVID-19 pandemic, online education has replaced traditional education, helping the majority of students who do not need to go to school to study and acquire knowledge through the Internet. However, online education which plays a complementary role for traditional education is only in the beginning stage of development. In order to have a comprehensive view of the role of online higher education in the new stage of development, the paper mentioned the development of online higher education in the recent times, especially in the period of the Covid-19 epidemic. Besides, it is also necessary to redefine the online education model to suit the conditions of educational institutions in Vietnam. A model of online education at Hanoi Open University is given as a reference framework for other educational institutions. Last but not least, some quality assurance standards for online higher education are also proposed based on the model survey conducted by Hanoi Open University.*

KEYWORDS: Online education; ICT in teach and learning; adult education; digital transforming.